

Bản án số: 11/2022/HNGĐ - ST

Ngày 11 tháng 3 năm 2022

“ V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con chung ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÁN THI - TỈNH HUNG YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông **Nguyễn Đồng D**
- *Các hội thẩm nhân dân:* Bà **Dương Thị Thu H** – HPN xã Cẩm Ninh
Ông **Trần Quang C** – Cán bộ nghỉ hưu

Thư ký phiên toà: Ông **Dương Mạnh H** – Thư ký Tòa án

Đại diện VKSND huyện Ân Thi tham gia phiên toà: Ông **Đỗ Văn T** - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 174/2022/TLST-HNGĐ ngày 04/01/2022 về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/DSST - QĐXX ngày 08/02/2022 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Chị Lê Thị N, sinh năm 1994

HKTT: Phú Thôn, TT Ân Thi, Ân Thi, Hưng Yên

Nơi ở hiện nay: Hoàng Xuyên, Văn Nhuệ, Ân Thi, Hưng Yên

-*Bị đơn:* Anh Vũ Đình T, Sinh năm 1993

HKTT và nơi cư trú cuối cùng: Phú Thôn, TT Ân Thi, Ân Thi, Hưng Yên

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Cháu Vũ Hoàng Linh N, sinh năm 2014

Người đại diện cho cháu N: Chị N

Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/12/2021 của chị N và các lời khai của chị N trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện như sau:

Chị Lê Thị N, sinh năm 1994 và anh Vũ Đình T, sinh năm 1993 tự quen biết, tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên vào ngày 06/01/2014. Cuộc sống vợ chồng không hoà thuận, hạnh phúc, nguyên nhân do anh T mãi chơi, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình, vợ con, chị N cũng như gia đình đã động viên, khuyên bảo anh T nhưng anh T không thay đổi, bản thân hai vợ chồng mới lấy nhau, công việc chưa ổn định cộng với con còn nhỏ thường xuyên đau ốm nên kinh tế khó khăn, việc anh T mãi chơi càng làm kinh tế vợ chồng khó khăn hơn, từ đó vợ chồng có Nều xích mích, to tiếng, cãi nhau, mặc dù ở cùng nhà nhưng vợ chồng cũng ít nói chuyện với nhau, anh T hầu như bỏ mặc chị N, không quan tâm gì. Do mâu thuẫn

trầm trọng nên từ đầu năm 2018 anh T bỏ nhà đi, đi đâu làm gì anh không nói nên gia đình và chị N cũng không biết, chị N cũng đã có đơn yêu cầu Toà án giải quyết tuyên bố anh T mất tích, Toà án cũng đã đăng tin trên phương tiện thông tin nhưng không có tin tức gì của anh T. Nay chị N xác định không còn tình cảm, hạnh phúc không thể tồn tại nên chị N có đơn đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung Vũ Hoàng Linh N, sinh ngày 14/9/2014. Ly hôn chị có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung đến tuổi thành niên và yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị N không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện gia đình anh T là ông Vũ N Thắng thể hiện: Chị N và T lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ân Thi vào năm 2014. Quá trình chung sống vợ chồng có Nều mâu thuẫn phát sinh, nguyên nhân do vợ chồng không tôn trọng nhau, cách sống, suy nghĩ của mỗi người mỗi khác, cái tôi cá nhân quá lớn nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, to tiếng cãi nhau Nều. Gia đình cũng đã động viên, khuyên bảo nhưng hai bên không thay đổi, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt và cuộc sống căng thẳng, hai bên gần như không còn quan tâm đến nhau, đầu năm 2018 anh T bỏ nhà đi và đến nay không có tin tức gì. Nay chị N có đơn ly hôn anh T, gia đình đề nghị Toà án giải quyết cho vợ chồng anh T ly hôn để ổn định cuộc sống của mỗi bên. Vợ chồng anh T có 01 con chung Vũ Hoàng Linh N, sinh ngày 14/9/2014, hiện nay cháu đang ở cùng chị N và ông bà ngoại. Vợ chồng anh T, chị N có hay không có tài sản chung gia đình không biết.

Đại diện gia đình chị N là bà Nguyễn Thị Thư thể hiện: Anh T, chị N lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban thị trấn Ân Thi vào năm 2014. Trong thời gian chung sống vợ chồng chị N có Nều mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, tính cách không hoà hợp đã dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, từ đầu năm 2018 anh T bỏ nhà đi, đi đâu làm gì gia đình hai bên, chị N không biết. Nay chị N có đơn ly hôn anh T đề nghị Toà án giải quyết cho chị N ly hôn anh T. Vợ chồng anh T có 01 con chung Vũ Hoàng Linh N, sinh ngày 14/9/2014, cháu đang ở cùng chị N và gia đình, nguyện vọng của gia đình mong muốn được tiếp tục nuôi cháu. Vợ chồng anh T, chị N có hay không có tài sản chung gia đình không biết.

Biên bản xác minh với chính quyền thôn và ủy ban thị trấn thể hiện anh T, chị N lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật vào năm 2014 tại Ủy ban thị trấn Ân Thi. Cuộc sống vợ chồng anh T cũng không hoà thuận, nguyên nhân do anh T mãi chơi, đầu năm 2018 anh T bỏ nhà đi, đi đâu làm gì anh T không báo cáo nên Thôn và Ủy ban thị trấn không biết, hiện nay anh T vắng mặt tại địa phương. Vợ chồng anh T có 01 con chung Vũ Hoàng Linh N, sinh ngày 14/9/2014 hiện nay cháu đang ở với chị N và ông bà ngoại tại xã Văn Nhuệ, vợ chồng anh T có hay không có tài sản chung Thôn và Ủy ban thị trấn không nắm được.

Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định chung.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký: Đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48, 51 BLTTDS.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng vắng mặt không có lý do vi phạm khoản 15, 16 Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi:

Căn cứ vào các tình tiết, tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí, khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị N được ly hôn anh Vũ Đình T

Về con chung: Giao cháu Vũ Hoàng Linh N, sinh ngày 14/9/2014 cho chị N nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị N theo quy định pháp luật. Anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Sau này anh T có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, Tòa án sẽ xem xét ở một vụ việc khác theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không đề nghị giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí DSST, anh T phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi đã nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về thẩm quyền: Chị Lê Thị N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Vũ Đình T. Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn trong vụ án là anh Vũ Đình T cư trú tại Phú Thôn, TT Ân Thi, Ân Thi, Hưng Yên nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Tòa án nhân dân huyện Ân Thi thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định.

Về việc kết hôn của chị N, anh T: Chị N, anh T xây dựng vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên năm 2014, việc kết hôn của anh chị đảm bảo các quy định của pháp luật. Do vậy hôn nhân của chị N, anh T là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Chị N xin ly hôn anh T sẽ áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Qua lời khai của chị N, quan điểm trình bày của đại diện hai bên gia đình, theo cung cấp của chính quyền Thôn và Ủy ban nhân dân thị trấn Ân Thi đã thể hiện cuộc sống vợ chồng giữa chị N và anh T không có hạnh phúc, tồn tại Nền mâu thuẫn và hai bên không tự giải quyết được, đầu năm 2018 anh T bỏ nhà đi, gia đình cũng như chính quyền địa phương không nắm được, trong thời gian Tòa án thụ lý giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố anh T mất tích, Tòa án cũng đã thông báo tìm kiếm tin tức anh T công khai trên phương tiện thông tin và báo trung ương nhưng vẫn không có tin tức gì và cho đến thời điểm này anh T vẫn vắng mặt, qua các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp cũng như do Tòa án thu thập, xác minh đã thể chứng minh mâu thuẫn vợ chồng chị N, anh T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

Về con chung: Chị N, anh T có 01 con chung Vũ Hoàng Linh N, sinh ngày 14/9/2014, hiện nay cháu N đang sinh sống cùng chị N và ông bà ngoại ở xã Văn Nhuệ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, nguyện vọng của cháu N mong muốn được ở với mẹ và ông bà ngoại, mặt khác chị N cũng có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, chị N có công việc, mức thu nhập ổn định, sống cùng bố mẹ nên đảm bảo được mọi điều kiện về việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N, hơn nữa cháu N là con gái nên sau này đến tuổi phát triển, tâm sinh lý thay đổi nên rất cần người mẹ ở bên chỉ bảo, dạy dỗ, vì vậy cần thiết phải giao cháu N cho chị N nuôi dưỡng. Đối với yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con của chị N thấy rằng yêu cầu này của chị N là hoàn toàn chính đáng, đúng quy định của pháp luật, căn cứ vào khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình buộc anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị N số tiền 800.000 đồng/tháng cho đến khi cháu N đến tuổi thành niên. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị N không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí STDS theo quy định của pháp luật. Anh T phải chịu án phí cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81;82;83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 của BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Lê Thị N được ly hôn anh Vũ Đình T.

2. Về con chung: Giao con chung Vũ Hoàng Linh N, sinh ngày 14/9/2014 cho chị Lê Thị N nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, buộc anh Vũ Đình T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị N số tiền 800.000 đồng/tháng đến khi cháu N đến tuổi thành niên. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Áp dụng khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự: Kể từ ngày chị N có đơn đề nghị thi hành án, nếu anh T không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nói trên thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định

của pháp luật.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm dân sự ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003043 ngày 04/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Chị N đã nộp đủ án phí. Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- VKS huyện, tỉnh;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Ân Thi;
- THADS;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Đồng D